

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, mức chi thực hiện xây dựng xã hội học tập
trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021- 2030”;

Xét Tờ trình số 207/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập” và mức chi hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra số 197/BC-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức chi để thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” và mức chi hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

b) Những nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài chính và các văn bản khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” và thực hiện nhiệm vụ chi hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Nội dung và mức chi

1. Nội dung, mức chi thực hiện Đề án “*Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030*”

Stt	Nội dung	Mức chi
a	Chi công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, đoàn thể, các lực lượng xã hội tại địa phương về mục đích, ý nghĩa, vai trò và ích lợi của học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập; chi tổ chức Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời hàng năm	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 13/2014/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi một số khoản chi có tính chất đặc thù thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật cho người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh.
b	Chi công tác phí, chi thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án tại địa phương, học tập kinh nghiệm mô hình xây dựng xã hội học tập hiệu quả trong nước; chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị sơ kết, tổng kết các cấp ở địa phương	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 39/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang sử dụng ngân sách tỉnh.
c	Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho các đối tượng thuộc các hoạt động của Đề án; chi bồi dưỡng cho báo cáo viên/hướng dẫn viên tham gia giảng dạy tại Trung tâm học tập cộng đồng (<i>bao gồm công tác chuẩn bị, soạn bài và báo cáo</i>); chi đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý của Trung tâm học tập cộng đồng	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong nước do ngân sách địa phương đảm bảo.
d	Chi kiểm tra, đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập, gồm:	
-	Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị triển khai kế hoạch đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 39/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang có sử dụng ngân sách tỉnh.
-	Chi điều tra nhu cầu học tập, thu thập minh chứng, chi tổng hợp số liệu, viết báo cáo, đánh giá, căn cứ quy mô, tính chất của từng cuộc điều tra, thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì thực hiện kiểm tra, đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh do ngân sách

Stt	Nội dung	Mức chi
		địa phương đảm bảo. Riêng mức chi xây dựng phương án điều tra thống kê và lập mẫu phiếu điều tra thống kê và chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra, thống kê áp dụng tối đa 50% mức chi quy định tại Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.
đ	Chi tiền điện (<i>hoặc dầu đèn</i>) đối với các lớp học tại Trung tâm học tập cộng đồng ban đêm; chi hỗ trợ tài liệu, sách giáo khoa, đồ dùng phục vụ công tác giảng dạy, học tập tại các Trung tâm học tập cộng đồng	Giám đốc Trung tâm học tập cộng đồng quyết định mức chi cụ thể trong phạm vi dự toán được giao của đơn vị để thực hiện và thanh toán theo hóa đơn thực tế phát sinh.
e	Chi cho công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục, gồm:	
-	Chi cho các hoạt động điều tra, khảo sát phục vụ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục mầm non, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở	
+	Cán bộ, giáo viên trực tiếp thực hiện điều tra	10.000 đồng/phiếu điều tra
+	Người trực tiếp thực hiện tổng hợp, xử lý số liệu cấp xã	1.500 đồng/phiếu điều tra
+	Người trực tiếp thực hiện tổng hợp, xử lý số liệu cấp huyện	1.000 đồng/phiếu điều tra
-	Chi hỗ trợ học phẩm đối với các học viên các lớp học xóa mù chữ	Trong mỗi giai đoạn học tập theo Chương trình Xóa mù chữ (<i>Chương trình Xóa mù chữ gồm có 02 giai đoạn học tập là: Giai đoạn 1 và Giai đoạn 2</i>), học viên tham gia học lớp xóa mù chữ được hỗ trợ học phẩm theo Quyết định số 1991/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt danh mục học phẩm hỗ trợ cho học viên các lớp xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2022-2030.
-	Hỗ trợ kinh phí chi thấp sáng ban đêm, chi mua sổ sách theo dõi quá trình học tập và văn phòng phẩm cho lớp xóa mù chữ, sách giáo khoa dùng chung (<i>đối với các lớp học phổ cập, xóa mù chữ ban đêm</i>) và chi tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ	

Stt	Nội dung	Mức chi
+	Hỗ trợ kinh phí chi thấp sáng ban đêm đối với lớp học xóa mù chữ	900.000 đồng/lớp/giai đoạn (<i>ứng với mức hỗ trợ 100.000 đồng/lớp/tháng × 9 tháng trong một giai đoạn học tập</i>).
+	Chi hỗ trợ mua sổ sách theo dõi quá trình học tập và văn phòng phẩm cho lớp xóa mù chữ	Tối đa 1.000.000 đồng/lớp/giai đoạn.
+	Chi mua sách giáo khoa/tài liệu dùng chung đối với lớp xoá mù chữ	Chi theo thực tế số học viên của lớp xoá mù chữ theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp và trong phạm vi dự toán được giao.
+	Chi hỗ trợ cho người tham gia hoạt động tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xoá mù chữ	200.000 đồng/đối tượng đến lớp và hoàn thành 01 giai đoạn học tập của Chương trình xoá mù chữ (<i>sau mỗi giai đoạn học tập được hưởng 01 lần</i>).
-	Chi phụ cấp cho người làm công tác chủ nhiệm lớp xoá mù chữ	200.000 đồng/lớp/tháng (<i>hỗ trợ tối đa 9 tháng/giai đoạn học tập</i>).
-	Chi tiền lương đối với giáo viên thuộc biên chế dạy lớp xoá mù, chống tái mù chữ thuộc nhiệm vụ chuyên môn của cơ sở giáo dục đào tạo công lập	Chi trả theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Trường hợp số giờ dạy vượt định mức giờ chuẩn được thanh toán theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 8 tháng 3 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập.
-	Chi tiền công đối với những người tình nguyện tham gia giảng dạy các lớp xoá mù chữ (<i>bao gồm giáo viên thuộc biên chế của cơ sở giáo dục công lập và những người ngoài biên chế có đủ tiêu chuẩn, năng lực giảng dạy</i>)	
+	Đối với trường hợp trả thù lao	Mức chi tiền công theo hợp đồng lao động trên cơ sở lương tối thiểu vùng và đảm bảo tương quan với mức lương giáo viên trong biên chế có cùng trình độ đào tạo, thâm niên công tác dạy cùng cấp học, lớp học theo quy định hiện hành của nhà nước về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Stt	Nội dung	Mức chi
+	Đối với tình nguyện viên (<i>không nhận thù lao</i>)	Ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ chi phí ăn, ở, đi lại cho các đối tượng này theo chế độ công tác phí quy định tại Nghị quyết số 39/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh
g	Chi thi đua, khen thưởng	Thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng

2. Mức chi hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ giai đoạn 2021-2025 là 2.000.000 đồng/người/giai đoạn học tập.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ ngân sách cấp tỉnh, nguồn chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khóa X, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2022/.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính;
- Vụ Pháp chế (Bộ GD&ĐT, Bộ Tài chính);
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT Huyện (Thành) ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH

Phương Thị Thanh